

Góc nhìn từ kinh tế xanh ở Hàn Quốc và bài học xây dựng kinh tế xanh cho Việt Nam

Nguyễn Thị Thu Hà

DH Tài nguyên & Môi trường Hà Nội

1. Khái niệm nền "kinh tế xanh"

Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP) định nghĩa nền "kinh tế xanh" là: "Nền kinh tế nâng cao đời sống con người và cải thiện công bằng xã hội, đồng thời giảm thiểu đáng kể những rủi ro môi trường và những thiếu hụt sinh thái". Nói một cách đơn giản, nền kinh tế xanh có mức phát thải thấp, sử dụng hiệu quả tài nguyên và hướng tới công bằng xã hội. Trong nền "kinh tế xanh", tăng trưởng về thu nhập và việc làm được tạo ra thông qua những khoản đầu tư của nhà nước và tư nhân nhằm giảm thiểu phát thải các-bon, giảm ô nhiễm, sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, ngăn chặn suy giảm đa dạng sinh học. Đường lối phát triển phải hướng vào duy trì, cải thiện nguồn vốn tự nhiên và phục hồi nếu cần thiết, bởi đây là tài sản kinh tế quan trọng và là nguồn lợi chung, đặc biệt đối với những người nghèo bởi sinh kế và an sinh của họ phụ thuộc nhiều vào tự nhiên.

Khái niệm "kinh tế xanh" không thay thế khái niệm bền vững, nhưng nó ngày càng được công nhận là mô hình phù hợp làm nền tảng cho phát triển bền vững. Tính bền vững là một mục tiêu dài hạn quan trọng, nhưng xanh hóa nền kinh tế là phương tiện đưa chúng ta tới đích.

2. Những xu thế đặc thù của quá trình chuyển dịch sang nền "kinh tế xanh", đó là:

Nền "kinh tế xanh" ghi nhận giá trị và vai trò của đầu tư vào vốn tự nhiên nhằm bảo vệ đa dạng sinh học, kết cấu sống của hành tinh. Đa dạng sinh học đóng góp cho phúc lợi của con người và cung cấp cho các nền kinh tế nguồn tài nguyên đầu vào có giá trị cũng như các dịch vụ điều hòa hướng tới một môi trường vận hành an toàn. Tuy nhiên, những "dịch vụ hệ sinh thái" chủ yếu mang bản chất hàng hóa và dịch vụ công cộng nên không được lượng hóa giá trị kinh tế đầy đủ. Điều này là một trong những nguyên nhân chính khiến giá trị của đa dạng sinh học không được đánh giá đúng mức và quản lý yếu kém gây nhiều tổn thất, trong khi giá trị kinh tế của các dịch vụ hệ sinh thái là một phần cơ bản của vốn tự nhiên.

Nền "kinh tế xanh" là trụ cột để giảm nghèo. Tình trạng nghèo kinh niên là hình thức dễ thấy nhất của bất bình đẳng xã hội, cũng như bất bình đẳng trong tiếp cận với giáo dục, y tế, tín dụng, cơ hội thu nhập. Một đặc tính quan trọng của nền "kinh tế xanh" là nó tìm cách cung cấp các cơ hội đa dạng cho phát triển kinh tế và xóa đói, giảm nghèo mà không thanh lý hoặc làm xói mòn tài sản tự nhiên của quốc gia. Điều này đặc biệt cần thiết ở các nước có thu nhập thấp, nơi sinh kế chủ yếu của cộng đồng nghèo nông thôn là hàng hóa và dịch vụ hệ sinh thái. Hệ sinh thái và các dịch vụ cung cấp một mạng lưới an sinh chống lại thiên tai và khủng hoảng kinh tế.

Nền "kinh tế xanh" tạo ra việc làm và cải thiện công bằng xã hội. Thực tế, các nước tiến tới một nền "kinh tế xanh" đã nhìn thấy khả năng tạo việc làm và tiềm năng có thể được nhân lên khi tăng cường đầu tư vào các lĩnh vực xanh. Vì vậy, họ đã đưa ra những gói kích thích tài chính tăng cường việc làm với các hợp phần "xanh" quan trọng.

Nền "kinh tế xanh" sử dụng năng lượng tái tạo và công nghệ các-bon thấp thay thế cho nhiên liệu hóa thạch. Nguồn cung cấp năng lượng tái tạo ngày càng tăng sẽ giảm những rủi ro về biến động giá nhiên liệu hóa thạch, đồng thời đạt được lợi ích giảm phát thải khí nhà kính (Greenhouse gases -GHGs) vì hệ thống năng lượng dựa trên nhiên liệu hóa thạch hiện nay là gốc rễ của hiện tượng biến đổi khí hậu (BĐKH). Ngành năng lượng chiếm tới 2/3 lượng phát thải GHGs và chi phí thích ứng với BĐKH ước đạt 50 tỷ - 170 tỷ USD vào năm 2030, trong đó các nước đang phát triển có thể phải gánh chịu một nửa chi phí đó. Nhiều quốc gia, đặc biệt những nước nhập khẩu dầu ròng phải đứng trước thách thức giá nhiên liệu hóa thạch tăng cao. Chính vì vậy, đầu tư vào các nguồn tái tạo có sẵn (thậm chí dồi dào ở nhiều nơi) có thể cải thiện đáng kể an ninh năng lượng, nói rộng ra là an ninh kinh tế và tài chính. Ngoài ra năng lượng tái tạo còn mang lại nhiều cơ hội kinh tế lớn.

Một nền kinh tế xanh hướng tới lối sống đô thị bền vững và giao thông các-bon thấp. Khu vực thành thị ngày nay là nơi cư trú của hơn 50% dân số thế giới, tiêu

thụ 50% - 60% năng lượng và phát thải 75% tổng lượng GHGs. Đô thị hóa nhanh chóng đang gia tăng về áp lực cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước và y tế cộng đồng, thường gây nên kết cấu hạ tầng nghèo nàn, hoạt động môi trường suy giảm và chi phí chăm sóc sức khỏe cộng đồng cao. Trong bối cảnh đó, cơ hội duy nhất cho các thành phố tăng hiệu quả sử dụng năng lượng, giảm lượng khí thải cũng như rác thải là nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ thiết yếu thông qua các phương thức giao thông cải tiến, các-bon thấp, giúp tiết kiệm tiền, đồng thời cải thiện năng suất và công bằng xã hội.

3. Vấn đề xây dựng và phát triển Kinh tế Xanh ở Hàn Quốc

Hàn Quốc là một trong những quốc gia không có nhiều tài nguyên thiên nhiên, 97% tổng nhu cầu năng lượng lệ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch nhập khẩu. Quốc gia này cũng phải đối mặt với vấn đề thiếu nước sạch trong thời gian dài, đặc biệt là trong điều kiện tác động của BĐKH (biến đổi khí hậu) ngày nay. Tuy nhiên, khi khủng hoảng tài chính toàn cầu nổ ra, Hàn Quốc đã kết hợp giải quyết khó khăn về kinh tế với gói kích thích quan trọng cho chi tiêu xanh và đạt được kết quả đáng khen ngợi.

+ Lựa chọn cơ cấu ngành dựa trên lợi thế so sánh của đất nước. Hàn Quốc phát triển mạnh các ngành công nghiệp nhẹ sử dụng nhiều lao động như dệt may, tơ sợi, giấy dếp và các sản phẩm thuộc da. Vào thập kỷ 1970, họ lựa chọn các ngành công nghiệp nặng, công nghệ hóa chất và ưu tiên phát triển cho các ngành công nghệ cao.

+ Hàn Quốc lựa chọn mô hình chuyển đổi cơ cấu ngành theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa “rút ngắn”: rút ngắn thời kỳ xây dựng cơ cấu ngành thay thế nhập khẩu, nhanh chóng chuyển sang xây dựng cơ cấu ngành hướng về xuất khẩu. Quá trình chuyển đổi cơ cấu ngành của Hàn Quốc bắt đầu từ cơ cấu nông nghiệp sang công nghiệp, từ công nghiệp nặng sử dụng nhiều vốn sang công nghiệp sử dụng công nghệ cao, nhưng với thời gian rút ngắn hơn.

+ Thực thi hoạt động chính sách tự do hóa thương mại, nới lỏng các hạn chế đối với việc nhập khẩu các mặt hàng chế tạo, thực hiện tự do hóa nhập khẩu; bỏ hàng rào phi thuế quan đối với nhiều loại hàng hóa và dịch vụ, kể cả dịch vụ tài chính; đơn giản hóa thủ tục nhập khẩu, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, củng cố và phát triển nền công nghệ của Hàn Quốc.

+ Chuyển đổi cơ cấu xuất nhập khẩu phù hợp với tiến trình chuyển đổi cơ cấu ngành kinh tế. Hàn Quốc xác định xuất khẩu tạo ra chu trình liên hoàn với quá trình nhập khẩu và đầu tư (xuất khẩu - nhập khẩu - đầu tư - xuất khẩu), đóng vai trò chủ đạo trong quá

trình công nghiệp hóa và áp dụng nhiều biện pháp nhằm đẩy mạnh ba hoạt động này.

+ Lựa chọn một cơ cấu thị trường xuất nhập khẩu khá linh hoạt (thị trường ngách) theo hướng đa dạng hóa để đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu. Suốt ba thập kỷ, thị trường xuất khẩu chính của Hàn Quốc là Mỹ, Nhật Bản và một số nước OECD. Khi đạt thặng dư thương mại với Mỹ, Hàn Quốc mở rộng sang các nước thị trường lớn cho cả hàng hóa vật chất và hàng hóa dịch vụ, đến Nhật Bản, đến EU, Đông Nam Á.

+ Coi trọng chính sách nghiên cứu và phát triển (R&D). Chính phủ khuyến khích tư nhân hoạt động R&D, nỗ lực nắm bắt và nhanh chóng làm chủ kỹ thuật để đuổi kịp các nước tiên tiến; khuyến khích liên kết các ngành công nghiệp, các trường đại học và các cơ sở nghiên cứu, triển khai khoa học công nghệ cao.

+ Thực hiện cơ chế kết hợp linh hoạt “Chính phủ cứng và thị trường mềm” trong việc thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu ngành kinh tế. Cũng giống như Nhật Bản, Chính phủ Hàn Quốc gắn kết chặt chẽ với các tập đoàn tài phiệt Chaebol, khuyến khích và ủng hộ mọi mặt cho sự phát triển của Chaebol. Cùng với khu vực tư nhân đặc biệt là các Chaebol những công ty xuyên quốc gia lớn, các xí nghiệp Nhà nước của Hàn Quốc có vai trò lớn thúc đẩy công nghiệp hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Như vậy, hệ thống chính sách về tăng trưởng xanh của Hàn Quốc được xây dựng từ chiến lược vĩ mô đến các chính sách theo từng ngành, từng giai đoạn 5 năm với các nội dung nhất quán, cụ thể và khả thi. Với chính sách tăng trưởng xanh này, Hàn Quốc dự kiến sẽ trở thành một trong “7 cường quốc kinh tế xanh” vào năm 2020 và một trong “5 cường quốc kinh tế xanh” của thế giới vào năm 2050.

Những thành quả thiết thực về kinh tế thu được bước đầu đã cho thấy chính sách tăng trưởng xanh của Hàn Quốc mang tính khả thi, đem lại hi vọng về một động lực tăng trưởng mới cho quốc gia này cũng như hợp tác quốc tế về tăng trưởng xanh.

Đối với các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam, Kinh tế Xanh tuy còn khá mới mẻ song bước đầu đã có sự chuyển hướng đầu tư vào các công nghệ sản xuất sạch hơn, một trong các tiêu chí của nền Kinh tế Xanh. Chiến lược tăng trưởng xanh của Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến 2050 tập trung vào 3 mục tiêu chính là: giảm phát thải khí nhà kính, xanh hóa sản xuất và xanh hóa tiêu dùng.

4. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Thứ nhất, Các giải pháp chiến lược đã được đưa ra để thực hiện hiệu quả mục tiêu trên, song vẫn còn nhiều thách thức như thiếu hụt nguồn lực. Do đó, thời gian tới cần nghiên cứu, sớm hình thành môi trường

pháp lý, cơ chế, chính sách thuận lợi để kinh tế Việt Nam phát triển, phải có sự tham gia của hệ thống chính trị cao cấp để giải pháp quyết những vấn đề liên quan tới sự chuyển đổi và cải cách về thể chế, hệ thống ưu đãi, tổ chức và có thể tổng hợp được sức mạnh để phối hợp những quan điểm và lợi ích khác nhau.

Thứ hai, kiên trì mô hình kinh tế thị trường mở và hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế dựa vào tăng trưởng xuất khẩu các sản phẩm công nghiệp chế biến, công nghiệp chế tạo trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh “tĩnh” và “động” của đất nước. Thực hiện đa dạng hóa thị trường xuất khẩu để tăng kim ngạch xuất khẩu, đồng thời tránh lệ thuộc quá mức vào một số thị trường nước ngoài.

Ba là, điều chỉnh cơ cấu ngành kinh tế theo hướng “rút ngắn”, chuyển từ cơ cấu phát triển các ngành có hàm lượng lao động cao sang các ngành có hàm lượng vốn, công nghệ cao, có khả năng tiếp ứng với tiến trình hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế, đứng vững được trong cạnh tranh cả trên thị trường trong nước và nước ngoài. Chọn lựa những ngành có thế mạnh để mở cửa cạnh tranh, chỉ bảo hộ những ngành, lĩnh vực có khả năng cạnh tranh trong tương lai, bảo hộ có chọn lọc, có địa chỉ, có thời hạn.

Bốn là, xác định đúng đắn vị trí đặc biệt quan trọng của ngành nông nghiệp, lấy nông nghiệp làm điểm tựa khởi đầu để phát triển toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Năm là, cải cách và phát triển hệ thống tài chính — tiền tệ quốc gia phù hợp với sự chuyển dịch nhanh và phổ biến của dòng vốn đầu tư gián tiếp quốc tế. Điều chỉnh cơ cấu vốn vay, trả nợ một cách linh hoạt và có sự kiểm soát theo hướng cân đối với qui hoạch đầu tư phát triển, cơ cấu ngành đã lựa chọn.

Sáu là, cần hoạch định chính sách cơ cấu ngành kinh tế quốc gia theo hướng khai thác có hiệu quả nguồn lực bên trong và bên ngoài, phù hợp với tiến trình hội nhập, thích ứng với chuyển đổi kinh tế khu vực và thế giới, cần tính đến vai trò của thể chế toàn cầu, tổ chức kinh tế khu vực và các Công ty xuyên quốc gia (TNC).

Bảy là, thực hiện ổn định kinh tế vĩ mô, cung cấp các kết cấu hạ tầng tốt, tạo môi trường pháp lý rõ ràng, nhất quán, bình đẳng cho mọi thành phần kinh tế hoạt động kinh doanh. Nâng cao khả năng tiếp thu công nghệ, hoàn chỉnh môi trường pháp lý để công nghệ đó vận hành và phát huy hiệu quả trong việc phát triển kinh tế và chuyển đổi cơ cấu ngành kinh tế quốc dân thông qua việc thực hiện chính sách R&D. Đào tạo đội ngũ lao động có chất lượng cao, đội ngũ cán bộ quản lý có năng lực, tư duy mới, thông thạo ngoại ngữ để chủ động trong các chương trình đàm phán, xây dựng các chính sách kinh tế.

Muốn chiến lược tăng trưởng xanh thành công cần có sự kết hợp hài hòa và hiệu quả từ trên xuống cũng như từ dưới lên. Giải pháp toàn diện sẽ giúp chia sẻ tầm nhìn và làm rõ những mục tiêu trung đến dài hạn về tăng trưởng xanh, có thể tư vấn và hợp tác, thuyết phục các bên và thúc đẩy sự phối hợp hiệu quả giữa các bộ, ngành đối với các địa phương liên quan. Còn sự chủ động tham gia của cộng đồng từ dưới lên sẽ tạo một nền tảng bền vững cho tăng trưởng xanh. Vì vậy, phải có những chính sách thể hiện rõ các hành động có sự tham gia của cộng đồng, gia tăng ý thức cộng đồng với tăng trưởng xanh, nhằm thay đổi hành vi của cộng đồng.

Những thành quả và kinh nghiệm trong việc thực hiện Chính sách tăng trưởng xanh của Hàn Quốc sẽ rất bổ ích cho các nước đang phát triển như Việt Nam, góp phần hạn chế những vấn đề môi trường, tái cơ cấu nền kinh tế và phát triển một cách bền vững. Việt Nam đang trong giai đoạn hoàn thiện và phê duyệt Chiến lược tăng trưởng xanh với mục tiêu đến năm 2050, năng lượng và công nghệ xanh được sử dụng phổ biến. Chính sách tăng cường hợp tác quốc tế về tăng trưởng xanh của Hàn Quốc mở ra nhiều cơ hội phát triển sâu rộng hơn nữa mối quan hệ hợp tác Việt Nam - Hàn Quốc./